**Ngày soạn: 23/ 8/2021**

**BÀI 27: VI KHUẨN**

Môn học: KHTN - Lớp: 6

Bộ sách giáo khoa: Kết nối tri thức với cuộc sống

Thời gian thực hiện: 02 tiết

**I. MỤC TIÊU**

* **Về năng lực:**

 **1.1. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về hình dạng, cấu tạo, vai trò của vi khuẩn và một số bệnh do vi khuẩn.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để tìm ra các hình dạng chủ yếu của vi khuẩn, cấu tạo đơn giản của vi khuẩn, vai trò, một số bệnh do vi khuẩn gây ra.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: GQVĐ để tìm ra các cách phòng và chống bệnh do vi khuẩn gây ra.

 **1.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

* Quan sát hình ảnh và mô tả được các hình dạng chủ yếu của vi khuẩn.
* Kể tên được các môi trường sống của vi khuẩn.
* Trình bày được cấu tạo đơn giản của vi khuẩn.
* Nhận biết được vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên và trong đời sống con người.
* Nhận biết được một số bệnh do vi khuẩn gây ra và nêu các cách phòng, chống.
* Vận dụng kiến thức để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn như: Tại sao thức ăn hay bị ôi thiu, không nên uống nước lã, việc sử dụng vi khuẩn để lên men trong quá trình tạo ra dưa muối, sữa chua, …
* **Về phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

* Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thức hiện nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về vi khuẩn.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thưc hiện nhiệm vụ thảo luận về các đặc điểm về hình dạng, cấu tạo của vi khuẩn, vai trò và các bệnh do vi khuẩn gây ra.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:**

* Hình ảnh về một số loại vi khuẩn, cấu tạo của vi khuẩn, vai trò của vi khuẩn.
* Đoạn video liên quan đến việc nhiễm vi khuẩn tụ cầu vàng ([https://www.youtube.com/watch?v=pLDeAXCsbqMHYPERLINK "https://www.youtube.com/watch?v=pLDeAXCsbqM&ab\_channel=BVHoanMySaigon"&HYPERLINK "https://www.youtube.com/watch?v=pLDeAXCsbqM&ab\_channel=BVHoanMySaigon"ab\_channel=BVHoanMySaigon](https://www.youtube.com/watch?v=pLDeAXCsbqM&ab_channel=BVHoanMySaigon))
* Đoạn video liên quan đến hiện tượng kháng kháng sinh ([https://www.youtube.com/watch?v=t5iXh5VCOSIHYPERLINK "https://www.youtube.com/watch?v=t5iXh5VCOSI&ab\_channel=VTVNews"&HYPERLINK "https://www.youtube.com/watch?v=t5iXh5VCOSI&ab\_channel=VTVNews"ab\_channel=VTVNews](https://www.youtube.com/watch?v=t5iXh5VCOSI&ab_channel=VTVNews))
* Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: khay nuôi và bột rau câu.

 - Nguyên liệu và dụng cụ để HS làm được hoạt động thực hành tập dấu vân tay vi khuẩn

* Ti vi, SGV

**2 - HS** : vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thứ tự tiết học của chủ đề** | **Nội dung** | **Ghi chú**(PPDH, KTDH, kiến thức trọng tâm) |
| **1** | **Hoạt động 1:** Mở đầu(10’) | - PPDH: Nêu và giải quyết vấn đề- KTDH: Đặt câu hỏi- Kiến thức trọng tâm: KN về vi khuẩn |
| **Hoạt động 2:** Hình thành kiến thức mới ( 35’) | - PPDH: Trực quan, dạy học giải quyết vấn đề- KTDH: Động não- Kiến thức trọng tâm: Sự đa dạng của vi khuẩn, cấu tạo của vi khuẩn |
| **2** | **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (28’)** | - PPDH: Dạy học giải quyết vấn đề, trực quan- KTDH: Đặt câu hỏi, động não- Kiến thức trọng tâm: Vai trò của vi khuẩn, tìm hiểu một số vi khuẩn gây bệnh. |
| **Hoạt động 3: Luyện tập****( 12)****Hoạt động 4: Vận dụng****( 5’)** | - PPDH: Dạy học giải quyết vấn đề, dạy học dựa trên dự án- KTDH: Sơ đồ tư duy- Kiến thức trọng tâm: Tổng hợp kiến thức toàn bài, vận dụng kiến thức tìm ra biện pháp hạn chế tác hại của vi khuẩn. |

* **Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là tìm hiểu về một sinh vật đơn bào nhân sơ vô cùng nhỏ bé sống trong cơ thể người – vi khuẩn.**
* **Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được vấn đề học tập là tìm hiểu về một loài sinh vật nhân sơ nhỏ bé – vi khuẩn.
* **Nội dung:** - HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu

của GV.

* Cơ thể người có số lượng tế bào rất lớn khoảng 75 nghìn tỉ tế bào. Nhưng trên cơ thể người có một sinh vật nhân sơ nhỏ bé với số lượng lớn hơn số tế bào của cơ thể chúng ta, có thể lên đến hàng trăm nghìn tỉ. Em có biết chúng là sinh vật nào không?
* **Sản phẩm:**
* Sinh vật nhân sơ nhỏ bé sống trong cơ thể người đó là vi khuẩn.

- Câu trả lời của học sinh : Vi khuẩn là sinh vật nhân sơ nhỏ bé không thể nhìn thấy bằng mắt thường mà phải quan sát bằng kính hiển vi, cơ thể cấu tạo từ 1 tế bào, thuộc giới khởi sinh, có loài có lợi hoặc có hại, tồn tại ở những môi trường khác như đất, nước, không khí,…, có thể gây ra bệnh ở người và các sinh vật khác, ….

* **Tổ chức thực hiện:**

- Giáo viên đặt câu hỏi xác định vấn đề, sau đó gọi liên tiếp các học sinh phát biểu ý kiến và xác định được vấn đề học tập là tìm hiểu về “vi khuẩn”.

* Giáo viên gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án về những điều con đã biết và chưa biết.

 - Giáo viên dẫn dắt: Ngoài sống trên cơ thể người, vi khuẩn còn có thể sống ở đâu? Chúng có lợi hay có hại? Bài học ngày hôm nay chúng ta đi tìm hiểu về vi khuẩn, về hình sạng, cấu tạo của vi khuẩn, nhận ra được sự đa dạng cũng như tìm hiểu được vai trò ứng dụng của chúng trong bài 27 sau đây.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đa dạng vi khuẩn**

* **Mục tiêu:**
* Quan sát hình ảnh và mô tả được các hình dạng chủ yếu của vi khuẩn.
* Kể tên được các môi trường sống của vi khuẩn.

Từ đó nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn về hình dạng và môi trường sống.

HS tìm hiểu các đặc điểm của vi khuẩn: nơi sống, cấu trúc cơ thể và sự đa dạng về hình dạng bằng cách nhắc lại hệ thống phân loại năm giới và liên hệ với các hiện lượng quen thuộc có liên quan đến vi khuẩn như: bệnh nhiễm trùng, thức ăn ôi, thui,…

* **Nội dung:**
* Quan sát hình 3.1, nhận xét về hình dạng của các vi khuẩn và sắp xếp chúng vào các nhóm khác nhau và trả lời các câu hỏi sau:



+ Chúng ta có quan sát vi khuẩn bằng mắt thường được hay không? Vì sao?

+ Vi khuẩn có những hình dạng khác nhau nào?

+ Vi khuẩn có ở những môi trường sống nào?

+ Từ đó, hãy rút ra nhận xét về sự đa dạng của vi khuẩn?

* **Sản phẩm:** Đáp án của HS, có thể:

-Vi khuẩn có kích thước nhỏ bé, chỉ có thể quan sát được dưới kính hiển vi.

-Vi khuẩn có rất nhiều hình dạng khác nhau, phân bố riêng lẻ hay thành từng nhóm và có 3 dạng điểm hình: Hình que, hình xoắn, hình cầu.

-Vi khuẩn có ở khắp mọi nơi: Trong không khí, trong nước, trong đất, trong cơ thể người và các sinh vật sống khác.

=> Vi khuẩn đa dạng về đặc điểm hình thái và môi trường sống.

* **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV chiếu sơ đồ hệ thống phân loại năm giới hoặc yêu cầu HS quan sát Hình 25.4 trong SGK (Bài 25 - chương VII) và chỉ ra vị trí của vi khuẩn trong hệ thống phân loại này (thuộc giới Khởi sinh), yêu cầu HS nhắc lại đặc điểm của sinh vật thuộc nhóm này.Sau khi GV đưa ra các vi khuẩn có trong đời sống,GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Có thể nhìn thấy được vi khuẩn trong các hiện tượng nêu trên không? Từ đó nhận xét về hình dạng và nơi sống của vi khuẩn.* Yêu cầu HS quan sát Hình 27.1 để trả lời câu hỏi trong SGK. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS quan sát tranh về một số loại vi khuẩn và chuẩn bị trước câu trả lời**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi HS phát biểu những HS còn lại nghe và bổ sung**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Gv theo dõi các câu trả lời của HS và đánh giá+ Đưa ra các hiện tượng trong đời sống có liên quan đến ví khuẩn như: nhiễm trùng đo vi khuẩn; bệnh lao do vị khuẩn lao; thức ăn bị ôi, thiu,...+ Bổ sung: Các dạng phân bố của vi khuẩn: có thể sống độc lập hoặc sống thành từng đám, đối bới dạng vi khuẩn phân bố thành từng đám, mỗi vi khuẩn là đơn vị sống độc lập | **I. Đa dạng vi khuẩn:**Vi khuẩn là những sinh vật có kích thước nhỏ, chỉ có thể quan sát bằng kính hiển viVi khuẩn có nhiều hình dạng khác nhau điển hình:- Dạng hình que: trực khuẩn, phẩy khuẩn.- Dạng hình cầu: liên cầu khuẩn, tụ cầu khuẩn.- Dạng hình xoắn: xoắn khuẩn. |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về cấu tạo của vi khuẩn.**

* **Mục tiêu:**

- Trình bày được cấu tạo đơn giản của vi khuẩn.

* **Nội dung:**
* Quan sát hình 3.2 và trả lời những câu hỏi sau:



+ Vi khuẩn được xếp vào nhóm cơ thể đơn bào hay đa bào? Vì sao?

+ Kể tên các bộ phận cấu tạo nên vi khuẩn? Vi khuẩn thuộc nhóm tế bào nhân sơ hay tế bào nhân thực? Vì sao?

+ Lông và roi của vi khuẩn có nhiệm vụ gì?

* **Sản phẩm:**
* Vi khuẩn là những cơ thể đơn bào, nhân sơ.
* Cấu tạo một vi khuẩn gồm:

+ Thành tế bào, màng tế bào, tế bào chất và vùng nhân.

+ Ngoài ra, một số vi khuẩn còn có: lông và roi.

* **Tổ chức thực hiện:**
* GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: Phát phiếu học tập số 2 cho các nhóm.
* HS thực hiện nhiệm vụ: Thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 2.
* Báo cáo, thảo luận: GV gọi ngẫu nhiên một nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.
* Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chốt nội dung về cấu tạo của vi khuẩn.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nhắc lại vi khuẩn thuộc giới Khởi sinh, cơ thể đơn bào, nhân sơ và yêu cầu HS mô tả lại cấu tạo tế bào nhân sơ để thấy được cấu tạo chung của vi khuẩn.GV chiếu hình 27.2 về cấu tạo của một vi khuẩn và yêu cầu HS trao đổi cùng bạn cùng bàn và trả lời câu hỏi:- Tại sao nói vi khuẩn là sinh vật có cấu tạo cơ thể đơn giản nhất trong thế giới sống? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát tranh về cấu tạo của vi khuẩn sau đó trao đổi theo bàn và chuẩn bị câu trả lời**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 1 số HS đứng lên phát biểu, HS còn lại lắng nghe bổ sung.**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Gv chốt kiến thức và nhận xét bổ sung nếu chưa đầy đủ | **II. Cấu tạo của vi khuẩn**Vi khuẩn có cấu tạo đơn bào hầu hết có thành tế bào bao ngoài màng tế bàoCấu tạo vi khuẩn gồm: thành tế bào, màng tế bào, tế bào chất, vùng nhân, lông roiVi khuẩn có cấu tạo cơ thể chỉ hồm một tế bào nhân sơ nên là cơ thể nhất trong thế giới sống |

 **Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về vai trò của vi khuẩn.**

**a) Mục tiêu:**

* Nhận biết được vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên và trong đời sống con người.
* Vận dụng kiến thức để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn như: việc sử dụng vi khuẩn để lên men trong quá trình tạo ra dưa muối, sữa chua, …; ăn sữa chua hàng ngày có thể giúp chúng ta ăn cơm ngon miệng.

**b) Nội dung:**

- Quan sát hình 3.3 và nêu vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên.



+ Hoàn thành nhiệm vụ mỗi HS nêu ít nhất 3 ứng dụng của vi khuẩn trong đời sống của con người.

+ Vận dụng kiến thức để giải thích: Tại sao ăn sữa chua hàng ngày có thể giúp chúng ta ăn cơm ngon miệng.

 **c) Sản phẩm:**

Vai trò của vi khuẩn:

- Trong tự nhiên:

+ Chuyển nitrogen trong không khí thành chất đạm giúp cây hấp thụ.

+ Phân giải xác sinh vật và chất thải động vật thành các chất dinh dưỡng cho cây hấp thụ….

- Trong đời sống con người:

+ Phần lớn vi khuẩn có lợi giúp bảo vệ da, tăng cường miễn dịch, hỗ trợ tiêu hóa.

+ Ứng dụng trong chế biến thực phẩm (sữa chua, dưa muối, nước mắm, …)

+ Sản xuất thuốc kháng sinh, thuốc trừ sâu, xử lý chất thải, …

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK mục II, nêu các vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên và đối với con người.Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trong mục IIGV đặt câu hỏi cho HS: “Tại sao các chất thải hữu cơ sau một thời gian chôn vùi trong đất thì phân huỷ hết? Điểu đó có thể ứng dụng gì trong đời sống?”GV giới thiệu mục “Em có biết?” ở cuối bài. GV đặt câu hỏi bổ sung: Ngoài sữa chua còn có loại thực phẩm nào được tạo thành từ ứng dụng của vi khuẩn có tác dụng kích thích tiêu hoá? Cần lưu ý gì khi sử dụng các loại thực phẩm đó để không gây hại cho sức khoẻ? (GV có thể dẫn dắt để HS đưa ra được câu trả lời: không ăn cà, đưa muối khi chưa “chín” hoặc đã có váng trắng.)**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát hình 3.3 tìm hiểu vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên và trả lời câu hỏi GV đưa ra**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS xung phong đưa ra câu trả lời, HS còn lại nghe và bổ sung**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và giải thích thêm trong tự nhiên, vì khuẩn tham gia cố định đạm để cung cấp nguồn đạm mà thực vật hấp thụ được. Vi khuẩn phân giải giúp phân giải xác sinh vật và chất thải động vật thành chất đinh dưỡng cung cấp cho cây và góp phần làm sạch môi trường. | **III. Vai trò của vi khuẩn****Vai trò của vi khuẩn:**+ Tham gia vào quá trình phân hủy xác sinh vật và chất thải hữu cơ giúp làm sạch môi trường.+ Vi khuẩn cố định đạm giúp cây trồng có thể sử dụng nguồn nitơ trong không khí.**\* Một số ứng dụng của vi khuẩn:** làm sữa chua, muối đưa, muối cà, làm phomai; sản xuất kháng sinh, thuốc trừ sâu; làm sạch môi trường... Trong sữa chua có vi khuẩn lactic - đây là vi khuẩn có lợi, hỗ trợ tiêu hoá thức ăn.  |

**Hoạt động 2.4: Tìm hiểu về một số bệnh do vi khuẩn gây ra.**

**a) Mục tiêu:**

* Nhận biết được một số bệnh do vi khuẩn gây ra và nêu các cách phòng, chống.
* Vận dụng kiến thức để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn như: Tại sao thức ăn hay bị ôi thiu, không nên uống nước lã, việc sử dụng vi khuẩn để lên men trong quá trình tạo ra dưa muối, sữa chua, …

**b) Nội dung:**

* Kể tên các bệnh do vi khuẩn gây nên ở con người và nêu ra một số biện pháp phòng tránh.

- Liên hệ thức tế hiện tượng “kháng kháng sinh”

- Kể tên các bệnh do vi khuẩn gây nên trên thực vật và động vật.

 **c) Sản phẩm:**

* Vi khuẩn gây nên một số bệnh ở con người như: Lao, viêm phổi, uốn ván, giang mai, phong (hủi), tả, …
* Vi khuẩn gây nên một số bệnh ở thực vật và động vật: Héo xanh cà chua, thối nhũn bắp cải, tụ huyết trùng ở gia cầm, gia súc, liên cầu lợn,…
* Ngoài ra, vi khuẩn là nguyên nhân khiến đồ ăn, thức uống bị hỏng.
* Biện pháp phòng tránh: Vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn uống và vệ sinh môi trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

* GV yêu cầu các nhóm (như hoạt động 2.3) lần lượt kể tên các bệnh do vi khuẩn gây ra ở người. Nhóm kể sau không được trùng đáp án với các nhóm trước.
* GV chiếu video liên quan đến việc nhiễm vi khuẩn tụ cầu vàng.
* GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận tìm hiểu thông tin SGK và liên hệ từ thực tế về bệnh liên quan đến vi khuẩn tả (một nửa số nhóm) và vi khuẩn lao (một nửa số nhóm còn lại) theo các gợi ý sau: Biểu hiện khi mắc bệnh, con đường lây lan, cách phòng tránh.
* HS thảo luận theo đúng nhiệm vụ được giao và cử đại diện nhóm lên trình bày.
* GV gọi ngẫu nhiên 1 nhóm lên trình bày hiểu biết về bệnh liên quan đến vi khuẩn tả và 1 nhóm về vi khuẩn lao. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung ý kiến.

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

- GV chiếu video liên quan đến hiện tượng kháng kháng sinh, từ đó rút ra một và lời khuyên khi sử dụng thuốc kháng sinh để chống lại các bệnh liên quan đến vi khuẩn.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Dựa vào nội dung SGK về tác hại của vi khuẩn và Hình 27.4 đến Hinh 27.6, yêu cầu HS nêu các tác hại của vi khuẩn gây ra cho con người, động vật, thực vật.- GV chiếu video liên quan đến việc nhiễm vi khuẩn tụ cầu vàng.Chia lớp thành 2 nhóm trả lời các câu hỏi:*1. Kể thêm các bệnh do vi khuẩn gây ra ở người, động vật, thực vật.**2. Khi mắc các bệnh do vi khuẩn gây ra ở người như: viêm họng do vi khuẩn, bệnh tả.... em thưởng có biện pháp gì để chữa trị? Để xuất các biện pháp phòng, tránh bệnh do vi khuẩn gây ra ở người.*- GV có thế hỏi thêm:Chúng ta có nên sử dụng thức ăn bị ôi, thiu không? Vì sao? Phải làm gì để thức ăn không bị ôi, thiu?Sau khi học xong các nội dung trong bài, yêu cầu HS trả lời câu hỏi đầu bài học chưa trả lời: Vi khuẩn trên người có lợi hay hại? Lấy ví dụ các loài vi khuẩn có lợi và hại trên cơ thế người. **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động nhóm và trả lời câu hỏi cùng các bạn trong nhóm, tổng hợp ghi lại kết quả**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi đại diện HS trả lời, HS còn lại nghe và bổ sung**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chiếu video liên quan đến hiện tượng kháng kháng sinh, từ đó rút ra một và lời khuyên khi sử dụng thuốc kháng sinh để chống lại các bệnh liên quan đến vi khuẩn.GV chốt và bổ sung kiến thức: Có những vi khuẩn có cả hai tác dụng, có lợi và có hại. Ví dụ: vi khuẩn phân hủy chất hữu cơ sẽ làm hỏng thực phẩm nhưng đồng thời nó cũng phân hủy xác động vật và thực vật, làm giàu đất. Vi khuẩn trên người cũng có vi khuẩn có lợi như vi khuẩn đường ruột và vi khuẩn có hại như vi khuẩn gây bệnh nhiễm khuẩn da,..... | **IV. Một số bệnh do vi khuẩn**+ Vi khuẩn gây nguy hiểm cho con người, một số bệnh phổ biến như: lao, viêm phổi, uốn ván, giang mai, phong, tả,...+ Các biện pháp phòng, tránh bệnh do vi khuẩn gây ra ở người: ăn chin, uống sôi, rửa tay, giữ gìn cơ thể và môi trường sống sạch sẻ. (VD)+ Không nên sử dụng thức ăn bị ôi thiu. Thức ăn bị ôi, thiu là đo vi khuẩn hoại sinh làm hỏng thức ăn, do đó không nên sử dụng vì có nhiều loại vi khuẩn gây độc cho cơ thể. + Muốn giữ thức ăn không bị ôi, thiu, ta cần ngăn chặn sự sinh sản của vi khuẩn bằng cách giữ lạnh, phơi khô, hun khói,... (VD) |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

* **Mục tiêu:** Hệ thống được một số kiến thức đã học về: Đa dạng vi khuẩn, cấu tạo, vai trò và một số bệnh do vi khuẩn gây ra.
* **Nội dung:**

- HS hệ thống lại kiến thức bài học bằng “Sơ đồ tư duy”

* **Sản phẩm:**
* Sơ đồ tư duy các con vẽ trong vở hoặc giấy A4.
* **Tổ chức thực hiện:**

- Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần “Con học được trong giờ học” tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy

- Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

- Báo cáo: GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân.

- Kết luận: GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

* **Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.
* **Nội dung:** Thực hành tạo dấu vân tay vi khuẩn. (Các bước thực hiện trong sách giáo khoa mục “Em có thể”)
* **Sản phẩm:** HS chế tạo ra được “dấu vân tay vi khuẩn” của chính mình.



* **Tổ chức thực hiện:** Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp sản phẩm vào tiết sau.

Hướng dẫn HS thực hiện hoạt động thực hành tạo dấu vân tay vi khuẩn:

+ HS chuẩn bị khay nuôi vi khuẩn.

+ Hướng dẫn HS tiến hành hoạt động theo các bước.

+ HS lấy khay nuôi ra quan sát, có thể so sánh kết quả giữa các nhóm sau khi thực hiện.

Sau khi thực hiện hoạt động này, HS tự rút ra được cách bảo quản thức ăn, biện pháp giúp bảo vệ sức khoẻ bản thân.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp****đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học- Gắn với thực tế- Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học- Hấp dẫn, sinh động- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học- Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện nội yêu cầu- Hệ thống câu hỏi và bài tập- Trao đổi, thảo luận |  |